| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN XUÂN LỘC**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 85/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 10 - 2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phạm Quang Nghĩa

2. Bà Trần Thị Kim Tân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 về việc " *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày*:

Trên cơ sở tự nguyện, chị và anh Nguyễn Văn T1 chung sống với nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai vào ngày 06 tháng 10 năm 2005.

Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm đầu, thời gian sau bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1, vì vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm.

Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Thanh N, sinh ngày 11/6/2005 và Nguyễn Trần Thanh T3, sinh ngày 23/7/2013. Sau khi anh chị không còn sống chung với nhau cho đến nay thì cháu N ở với anh T1, còn cháu T3 ở với chị T. Chị T đồng ý giao cháu N cho anh T1 nuôi dưỡng, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T3. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: anh đồng ý ly hôn với chị T. Anh T1 yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, đồng ý giao cháu T3 cho chị T nuôi dưỡng. Anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, còn bị đơn chưa chấp hành đầy đủ triệu tập của Tòa án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, chưa bảo đảm đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1; giao con chung cháu T3 cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh T1 nuôi dưỡng; chị T và anh T1 không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho đôi bên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn là anh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên phiên tòa vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2005, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị T: Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm đầu, thời gian sau bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan

điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1, vì vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm, anh T1 cũng đồng ý ly hôn với chị T. Từ những tình tiết trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T1.

[4] Về nuôi dưỡng con chung: chị T và anh T1 thống nhất giao con chung là cháu Nguyễn Trần Thanh T3 cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Trần Thanh N cho anh T1 nuôi dưỡng, nên ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị.

Chị T và anh T1 không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về T1 sản chung và nợ chung: chị T và anh T1 khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về việc nuôi dưỡng con chung:

- Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Thanh T3, sinh ngày 23/7/2013 cho chị Trần Thị Thanh T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Giao cháu Nguyễn Trần Thanh N, sinh ngày 11/6/2005 cho anh Nguyễn Văn T1 trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị T và anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, chị T và anh T1 được quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự

sơ thẩm. Số tiền 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tạm ứng án phí chị T nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 007088 ngày 17/01/2019 được tính trừ vào án phí.

Chị Trần Thị Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND huyện Xuân Lộc.
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc.
- UBND xã Xuân Hòa;
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Nguyệt**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Xuân Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Nguyệt**